

Số: 66 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 08 tháng 1 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu xây dựng Hưng Thịnh ngày 29 tháng 8 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 4314/TTr-CCBVMT ngày 06 tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu xây dựng Hưng Thịnh, địa chỉ trụ sở chính tại thửa đất số 743, tờ bản đồ số 47, đường 502, tổ 4, ấp Đồng Tâm, xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Mỏ đá xây dựng Tam Lập, công suất khai thác 494.750 m³/năm nguyên khai, quy mô diện tích 33,5ha với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Khai thác mỏ đá xây dựng Tam Lập, công suất khai thác 494.750 m³/năm nguyên khai, quy mô diện tích 33,5ha.

1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Đồng Tâm, xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.



1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh-nghiệp 3702436829 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 ngày 02 ngày 2016.

1.4. Mã số thuế: 3702436829

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, chế biến mỏ đá xây dựng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: ấp Đồng Tâm, xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Công suất khai thác 494.750 m³/năm nguyên khai
- Tổng diện tích mặt bằng sử dụng: 33,5ha; Trong đó:
 - + Khu vực khai thác: 29ha;
 - + Khu vực sân công nghiệp, văn phòng, xưởng sửa chữa và các công trình phụ trợ như: đường vận chuyển, kho bãi, trạm cân, trạm biến áp: 3ha;
 - + Bãi thải tạm (bên ngoài): 1,5ha.
- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công). Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2012.
- Tuổi thọ mỏ theo dự án: 37 năm.
- Theo Giấy phép khai thác số 95/GP-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp: Thời gian khai thác đến ngày 01/3/2023.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu xây dựng Hưng Thịnh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu xây dựng Hưng Thịnh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 08 tháng 09 năm 2022 đến ngày 08 tháng 09 năm 2032).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Mô đá xây dựng Tam Lập, công suất khai thác 494.750 m³/năm nguyên khai, quy mô diện tích 33,5ha tại ấp Đồng Tâm, xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Cty TNHH Sản xuất VLXD Hưng Thịnh;
- Sở Xây dựng;
- Sở Công thương;
- UBND huyện Phú Giáo;
- UBND xã Tam Lập;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, ThHa5.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *66* /GPMT-STNMT ngày *08* tháng *9* năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước mưa chảy tràn từ khai trường khai thác, sản công nghiệp và bãi thải tạm với tổng lưu lượng xả thải lớn nhất khoảng 2.500 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt công nhân viên với lưu lượng khoảng 3,34 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Nước Vàng tại ấp Đồng Tâm, xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Suối Nước Vàng tại ấp Đồng Tâm, xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°): X(m) = 618581, Y(m) = 1245754.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.503,34 m³/ngày.đêm (trung bình 104,16 m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: bơm, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/ BTNMT, $K_q=0,9$, $K_f=1,0$, cột A), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	--	6 – 9	Quan trắc định kỳ 03 tháng/lần theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số
2	TSS	mg/L	45	
3	BOD ₅	mg/L	27	
4	COD	mgO ₂ /L	67,5	

5	Amoni	mg/L	4,5	08/2022/NĐ-CP
6	Tổng Nitơ	mg/L	18	
7	Tổng Phospho	mg/L	3,6	
8	Dầu mỡ khoáng	mg/L	4,5	
9	Coliform	MPN/100ml	2700	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nguồn số 01: Nước mưa chảy tràn tại khu vực mỏ được thu gom chảy tràn theo địa hình hoặc theo rãnh thoát nước (*rộng mặt 0,7m; sâu 0,4m*) chảy vào hồ thu đặt dưới đáy moong (*1000m², sâu 3m*). Sau đó, sử dụng trạm bơm (*công suất 250 m³/h*) để bơm cưỡng bức nước lên Hồ lắng đặt trên bờ moong ở phía Tây Bắc khu mỏ (*rộng 400 m², sâu 3m*). Tại đây, nước mưa chảy tràn được lắng lọc xử lý trước khi xả thải ra Suối Nước Vàng bằng Cống thoát nước (*dài 30m, D=200mm*).

Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt được thu gom về 02 bể tự hoại cải tiến 4 ngăn (dung tích chứa 8m³/bể) bằng các ống nhựa PVC để xử lý. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại bể tự hoại chảy về Hồ lắng đặt trên bờ moong ở phía Tây Bắc khu mỏ (*rộng 400 m², sâu 3m*), sau đó xả thải ra Suối Nước Vàng bằng Cống thoát nước (*dài 30m, D=200mm*).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nguồn số 01: Nước mưa chảy tràn tại khu vực cơ sở → Hồ thu → Trạm bơm → Hồ lắng → Cống thoát nước → Suối Nước Vàng.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt → Xử lý qua bể tự hoại cải tiến → Hồ lắng → Cống thoát nước → Suối Nước Vàng.

- Công suất thiết kế:

+ Hồ thu: Diện tích 1000m², sâu 3m, dung tích chứa 3.000 m³.

+ Hồ lắng: Diện tích 400 m², sâu 3m, dung tích chứa 1.200 m³.

+ Máy bơm nước: Số lượng 02 máy (1 cái dự phòng), công suất 250m³/giờ/máy.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống trạm bơm thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc công trình xử lý không vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Đảm bảo phương án đấu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực để thường xuyên vận hành hiệu quả, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.




Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *66* /GPMT-STNMT ngày *8* tháng *9* năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Đặc thù hoạt động của cơ sở phát sinh bụi từ các nguồn phân tán trong quá trình hoạt động khai thác, chế biến đá của cơ sở, gồm: Bụi phát sinh từ hoạt động khai thác khu vực khai trường (bao gồm các hoạt động khoan lỗ mìn, nổ mìn, phá đá quá cỡ, xúc bốc, vận chuyển); bụi phát sinh từ hoạt động chế biến, nghiền đá xây dựng khu vực sân công nghiệp;); bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đá nguyên liệu từ khu vực khai trường đến khu vực chế biến, nghiền đá xây dựng và vận chuyển sản phẩm đá đi tiêu thụ; không có dòng thải nên không thuộc đối tượng cấp phép xả khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Không có

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- 03 thiết bị phun nước tạo ẩm giảm thiểu bụi tại 03 tổ hợp máy nghiền sàng đá.

Tóm tắt quy trình công nghệ: Mỗi tổ hợp máy nghiền sàng lắp đặt 01 hệ thống phun nước gồm các đường ống dẫn nước cao su mềm (Ø27mm) phân phối nước đến các ống nhựa đục lỗ (Φ 27mm, dài 0,5m), ống nhựa đục lỗ bố trí tại các vị trí phát sinh bụi gồm: máng cấp liệu, máy nghiền sơ cấp, máy sàng sơ cấp, máy sàng cấp 1, máy nghiền thứ cấp, tại các đầu băng tải nhằm tạo ẩm giảm bụi. Khi tổ hợp nghiền sàng hoạt động thì hệ thống phun nước cũng hoạt động đồng thời. Hệ thống phun nước sử dụng 01 máy bơm có công suất 1,5 Hp, 01 bồn chứa nước 20m³, lượng nước cấp mỗi thiết bị 08 lít/phút, khoảng 4,0 m³/ngày làm việc 8 giờ/ngày.

- 02 xe bồn tưới nước 16m³/xe để phun nước giảm bụi cho các khu vực khai thác, bốc phủ và khu vực đường vận chuyển nội mỏ và ngoài mỏ ra đến đường nhựa DH 502, với tần suất tưới 04 lần/ngày vào mùa khô và 02 lần/ngày vào mùa mưa.

- Trồng cây xanh (khoảng 3.289 cây keo lá tràm) quanh moong khai thác và sân công nghiệp... để giảm phát tán bụi. Cụ thể:

+ Đoạn mốc số 4 - 5 - 6 dài 518m: Trồng cây keo lá tràm, trồng 2 hàng 2 bên đê



bao, mật độ 1m/cây. Số lượng cây đã trồng: 1.036 cây.

+ Đoạn 6-7-1-2 dài 1.130m: Cây keo lá tràm trồng trên đê bao, trồng 2-3 hàng, mật độ 2m/cây. Số lượng cây đã trồng: 1.735 cây.

+ Phía Tây và phía Nam của sân công nghiệp: Cây keo lá tràm, trồng 2-3 hàng, mật độ 2m/cây. Số lượng cây đã trồng: 518 cây.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị phun nước tạo ẩm giảm thiểu bụi; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị phun nước hỏng hóc.

- Trường hợp công trình, hệ thống phun nước tạo ẩm giảm thiểu bụi gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc công trình xử lý không vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi phát tán vào môi trường không khí từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



[Handwritten signature]

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 66 /GPMT-STNMT ngày 8 tháng 9 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Tiếng ồn phát sinh tại khu vực moong khai thác của mỏ đá từ hoạt động của thiết bị máy móc, phương tiện cơ giới và vận chuyển đá nguyên khai từ khai trường lên khu vực sản công nghiệp, hoạt động từ máy móc thiết bị khu chế biến (03 máy nghiền sàng) ...

- Tiếng ồn, độ rung, chấn động phát sinh do hoạt động nổ mìn (hoạt động này có tính chất tức thời và trong khoảng thời gian rất ngắn khoảng 0,25 giây).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Khu vực khai trường: Vị trí tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°): X: 618940; Y: 1245692.

- Khu vực 03 tổ hợp máy nghiền sàng: Vị trí tọa độ (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°): X: 618968; Y: 1245422.

- Tuyến đường vận chuyển nội mỏ: Dọc theo tuyến đường vận chuyển đá nguyên khai thác khu vực khai trường về khu vực chế biến khoáng sản.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường


B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

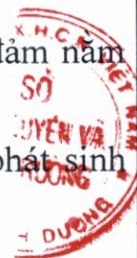
1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Thường xuyên, kiểm tra, thực hiện bảo trì, bảo hành máy móc thiết bị tại mỏ đúng theo quy trình về kiểm định máy móc thiết bị; nổ mìn theo giờ quy định; áp dụng nổ mìn vi sai phi điện; tuân thủ quy định, quy chế khoan nổ mìn áp dụng cho công nghệ khai thác mỏ lộ thiên,...; phối hợp chặt chẽ với các mỏ khác trong khu vực, tránh nổ mìn đồng thời cùng một thời điểm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. 



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 66 /GPMT-STNMT ngày 08 tháng 9 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	120
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can chứa dầu nhớt thải)	18 01 02	400
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	100
4	Chất hấp thu, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	50
TỔNG KHỐI LƯỢNG			670

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/ lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)
1	Nhóm kim loại không nhiễm các thành phần nguy hại (sắt, thép)	Rắn	500
2	Giấy loại bỏ từ văn phòng	Rắn	50
3	Hộp mực in thải	Rắn	50
4	Đất đá thải	Rắn	1.538.576 m ³
Tổng cộng			600



1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	2.800
	Tổng khối lượng	2.800

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại****2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

Trong kho bố trí 04 thùng phuy loại 240 lít để chứa các loại CTNH. Các thùng lưu chứa CTNH theo từng loại riêng biệt, dán nhãn và mã số CTNH lên thùng chứa, sắp xếp gọn gàng theo từng nhóm CTNH (chất thải rắn – lỏng).

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho lưu chứa: 16 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Tường bằng tôn, mái tôn, nền lát xi măng chống thấm, xung quanh có gờ cao 0,3m, lắp biển báo. Trong kho xây dựng 01 hố thu (rộng khoảng 0,5m²).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Bố trí 01 thùng phuy loại 240 lít để chứa các chất thải rắn thông thường, phân loại riêng với chất thải nguy hại.
- Sử dụng chung kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 16m².
- Đối với đất đá thải: Từ năm 1 đến năm thứ 5 (giai đoạn 1) đất đá thải được sử dụng đắp đường vận chuyển, đắp đê bao và xây dựng khu chế biến, khối lượng còn lại đổ thải tại bãi thải tạm có diện tích 1,5ha nằm phía Đông Nam; từ năm thứ 6 đến khi kết thúc khai thác (giai đoạn 2) được đổ thải tại bãi thải trong (diện tích 2,65ha ở phía Tây Nam) để hoàn thổ vào khu vực phía Tây Nam. Song song với quá trình đổ thải thì đất phủ có thể được sử dụng làm vật liệu san lấp, được tiêu thụ trực tiếp, một phần được đưa vào bãi thải tạm chờ tiêu thụ

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Sử dụng thùng nhựa có nắp đậy đặt tại khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc, nhà bảo vệ,...

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các

yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Lắp đặt các biển báo hướng dẫn thi công, cảnh báo nguy hiểm, thường xuyên kiểm tra vách taluy, hệ thống đường vận tải mỏ phải an toàn,...

- Tuân thủ các yêu cầu trong khai thác. Khi khai thác đến các vị trí bờ dừng, chừa tầng, bậc, đai an toàn, tạo taluy theo đúng các thông số của hệ thống khai thác và thiết kế mỏ được duyệt.

- Đảm bảo góc nghiêng sườn tầng theo quy định; thường xuyên quan sát vách moong, bãi thải tạm; trồng cây quanh mờ moong, khu vực tiếp giáp giữa khu vực chế biến và moong khai thác; làm rãnh thoát nước; quan trắc sạt lở bờ mỏ, bãi thải tạm theo quy định.

- Bố trí cán bộ phụ trách an toàn mỏ có chuyên môn để thường xuyên theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động khai thác theo đúng kỹ thuật, tránh để xảy ra sạt lở moong.

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *66* /GPMT-STNMT ngày *8* tháng *9* năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**1. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường chính**

- Sau khi kết thúc khai thác sẽ được cải tạo thành hồ chứa nước (tổng diện tích 29ha) phục vụ cho các nhu cầu tưới tiêu, phục vụ nông nghiệp, có cao độ tính từ đáy lên đến mặt nước khoảng 40-50m, độ cao đáy (cote -20m);

- Củng cố bờ moong khai thác, bờ moong trong đá, xử lý đá treo... trước khi cải tạo khu vực moong khai thác thành hồ chứa nước nhằm giảm thiểu nguy cơ gây ra các sự cố môi trường với khối lượng 60.000m³;

- San gạt xung quanh moong khai thác nhằm chuẩn bị trồng cây xanh, các khu vực cần được san gạt bao gồm: khu vực chế biến, khu vực đường vận chuyển, khu vực đã tháo dỡ các công trình hiện hữu,... với diện tích cần san gạt khoảng 4,5ha, khối lượng 22.500m³;

- Cải tạo khu vực bãi thải trong với diện tích 2,65ha, khối lượng 13.250m³;

- Lập hàng rào bằng phương án trồng cây xanh (keo lá tràm) với mật độ dày 4.500cây/ha, tổng diện tích xung quanh moong cần trồng cây keo lá tràm làm hàng rào khoảng 6.300 m², số lượng cây lá tràm cần sử dụng là 3.119 cây (bao gồm trồng dặm 10%).

- Lắp đặt biển báo với chiều dài 2.100m, mật độ 100m/cái, số lượng biển báo 21 cái.

- Trồng cây keo lá tràm lên toàn bộ diện tích khu vực bãi thải tạm, khu vực chế biến và khu vực các công trình phụ trợ sau khi đã tháo dỡ, mật độ trồng 3.000 cây/ha, tổng diện tích 71.500m², số lượng cây 21.450 cây (bao gồm trồng dặm 10%).

- Tháo dỡ các công trình đã xây dựng trong quá trình thực hiện dự án, khối lượng công trình cần phá dỡ 1.596 m³.

- Xây dựng hệ thống thoát nước cho hồ mở.

2. Về kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 2.748.201.500 đồng.

- Số tiền Công ty đã ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương đến năm 2022 (lần 6) là: 781.037.252 đồng.

- Số tiền còn lại Công ty cần phải ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương là: 1.967.164.248 đồng.

- Số lần ký quỹ còn lại là 31 lần, số tiền 81.965.177 đồng/lần, thời điểm ký quỹ



thực hiện trước ngày 30 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.
- Số tiền được tính chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Tiếp tục hoàn thành việc bồi thường và thực hiện các thủ tục đất đai theo quy định, triển khai các hạng mục, nội dung còn lại của dự án, đáp ứng quy mô diện tích đất khai thác, chế biến đá của cơ sở là 33,5ha, trong đó khu vực khai trường là 29,0ha, diện tích sân công nghiệp là 3,0ha, diện tích bãi thải tạm là 1,5ha.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan có thẩm quyền cho phép, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ theo QCVN 01:2019/BCT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ và QCVN 04:2009/BCT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Thực hiện các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất các khu vực sườn tầng, bờ moong khai thác, tổ chức theo dõi giám sát thường xuyên khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng trên thì phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cáo cho cơ quan thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Cải tạo, gia cố tuyến bờ bao và các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố, đảm bảo an toàn cho người, máy móc, thiết bị, các công trình và môi trường xung quanh, tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước, khoáng sản, đất đai và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của dự án.

- Trồng và chăm sóc thường xuyên cây xanh để hạn chế sự phát tán bụi và điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình khai thác; thực hiện các công tác hỗ trợ cho người dân sống gần khu mỏ, đảm bảo an ninh trật tự.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới

- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, khoáng sản và đất đai./.

